

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/KDTM - ST

Ngày 30/8/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lục Thị Lan

2. Ông Lục Việt Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2023/TLST- KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST- KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Công ty TNHH M

Địa chỉ: số A tổ B, thị trấn T, huyện G, tp Hà Nội.

Đại diện hợp pháp ông Pan Xiang C, sinh năm 1960 - Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền ông Li Hong G, sinh năm 1981 - Chức vụ Phó giám đốc (có mặt)

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH M là ông Trần Văn H - Luật sư Văn phòng L. Địa chỉ: số F, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH C1

Địa chỉ: Đền T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện hợp pháp ông Bùi Xuân H1 - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu dân cư T, T, K, Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Văn H trình bày:

Ngày 05/10/2020, Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là Công ty M) đã bán cho công ty TNHH C1 (sau đây gọi tắt là công ty C1) 01 Máy xúc lật bánh lốp hiệu XCMG có các thông tin sau: Model: LW600KN; Dung tích gầu: 5.0m³; Động cơ:

WEICHAI; Công suất: 178KW; Hộp số: Thủy lực; Kiểu điều khiển: T; Mới 100% theo tiêu chuẩn nhà sản xuất năm 2020. Giá mua bán 1.650.000.000 đồng. Ngày 07/10/2020, hai bên đã hoàn tất việc bàn giao máy.

Theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng, thời hạn cuối cùng mà công ty C1 phải thanh toán cho phía công ty M là trước ngày 28/06/2021. Công ty C1 có nghĩa vụ phải thanh toán đầy đủ số tiền 1.650.000.000 đồng. Nếu quá thời hạn cam kết thanh toán hàng tháng trong vòng 05 ngày mà công ty C1 vẫn không thanh toán đúng và đủ theo thời gian thanh toán cam kết thì muộn nhất sang ngày thứ 10 công ty M có quyền kéo máy về và không trả lại toàn bộ số tiền đã thanh toán trước đó. Vì thế, chậm nhất ngày 03/07/2021 tính từ thời hạn cuối cùng là ngày 28/06/2021 - công ty C1 phải thanh toán hết số tiền 1.650.000.000 đồng cho Công ty M.

Tại Bản Chi tiết công nợ phải thu có ghi nhận các lần Công ty C1 đã thanh toán như sau: Ngày 07/10/2020 đã thanh toán số tiền 520.000.000 đồng thông qua 3 mã giao dịch; ngày 25/11/2020, đã thanh toán 150.0000.000 đồng; ngày 31/12/2020, đã thanh toán 150.0000.000 đồng; ngày 13/04/2021, đã thanh toán 140.0000.000 đồng; ngày 09/07/2021, đã thanh toán 100.0000.000 đồng; ngày 11/05/2022, đã thanh toán 100.0000.000 đồng. Tổng 8 lần thanh toán của công ty C1 là 1.160.000.000 đồng. Đến nay, đã quá hạn hơn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn thanh toán tiền theo Hợp đồng kinh tế số 156-051020/XCMG-TP, công ty C1 vẫn còn nợ công ty M số tiền là 490.000.000 đồng. Máy xúc lật vẫn đang do công ty C1 sử dụng. Nay Công ty M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty C1 phải thanh toán trả Công ty M số tiền là: 490.000.000 đồng.

Về số tiền lãi chậm trả tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2023, công ty M có yêu cầu tính lãi suất 10%/năm trên số tiền 490.000.000 đồng tính từ ngày 28/06/2021 đến ngày khởi kiện (16/11/2023), tạm tính là 116.884.017 đồng. Nhưng tại phiên tòa công ty M xin rút yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền lãi suất tạm tính là 116.884.017 đồng. Nay công ty M chỉ yêu cầu Công ty C1 phải thanh toán trả số tiền còn nợ gốc là: 490.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

* Tại bản tự khai và bên bản lấy lời khai bị đơn Công ty TNHH C1 do ông Bùi Xuân H1 là giám đốc trình bày:

Công ty TNHH C1 được thành lập từ tháng 9/2019 do ông Bùi Xuân H1 là giám đốc. Trong quá trình hoạt động, với chức vụ là giám đốc công ty ông H1 có ký kết hợp đồng mua bán máy xúc lật bánh lốp XCMG với Công ty M ngày 05/10/2020 với tổng giá trị 1.650.000.000 đồng vào ngày 05/10/2020. Nội dung thỏa thuận 2 bên thanh toán là 9 đợt. Ngày 7/10/2020 công ty C1 đã nhận được máy, sau khi nhận máy xúc, công ty đã sử dụng bình thường, các bên không có tranh chấp gì về số lượng, chủng loại, chất lượng máy và đã thanh toán được 1.160.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 490.000.000 đồng. Lý do chậm thanh toán do công ty G1, dịch bệnh ngừng hoạt động từ ngày 16/02/2023 và bị niêm phong toàn bộ tài sản, máy móc chuyên dùng đến nay công ty chưa có phương án để thanh toán nốt số tiền còn lại cho Công ty M. Nay Công ty M yêu cầu Công ty C1 thanh toán số tiền 490.000.000 đồng thì Công ty C1 đề nghị Công ty M tạo điều kiện thời gian cho Công ty C1 trả được số tiền nợ gốc. Đối với số tiền lãi xuất từ ngày 28/6/2021 đến

ngày 16/11/2023 tạm tính là 116.884.017 đồng Công ty C1 không đồng ý trả vì trong hợp đồng mua bán không có điều khoản trả lãi do chậm thanh toán.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn chưa chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 275, Điều 468, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M. Buộc Công ty TNHH C1 phải thanh toán trả Công ty TNHH M số tiền là: 490.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với số tiền lãi suất là 116.884.017 đồng. Ngoài ra còn đề nghị về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty TNHH M khởi kiện Công ty TNHH C1. Địa chỉ: Đền T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để yêu cầu trả số tiền mua máy còn nợ. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu của Công ty TNHH M yêu cầu Công ty TNHH C1 phải trả số tiền mua máy còn nợ gốc là 490.000.000 đồng và lãi suất:

Căn cứ tại Hợp đồng mua bán số 156-051020/XCMG-TP được ký kết giữa Công ty TNHH M và công ty TNHH C1 vào ngày 05/10/2020. Theo thỏa thuận bên bán Công ty M và bên mua là Công ty C1 xác lập việc mua bán tài sản là 01 Máy xúc lật bánh lốp hiệu XCMG với giá là 1.650.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT). Sau khi thỏa thuận, cam kết các điều khoản của hợp đồng đại diện bên mua ký, đóng dấu công ty, dấu chức vụ ghi họ tên vào bên mua và đại diện bên bán cũng đã ký, đóng dấu công ty, dấu chức vụ ghi họ tên vào bên bán. Đến 07/10/2020 bên bán đã bàn giao thiết bị tại biên bản bàn giao thiết bị cho đại diện bên mua nhận là giám đốc ông Bùi Xuân H1 ký, đóng dấu công ty, dấu chức vụ ghi họ tên vào bên nhận. Sau khi nhận bàn giao máy xúc, bên mua đã sử dụng bình thường, các bên không có tranh chấp gì về số lượng, chủng loại, chất lượng máy. Công ty C1 đã 8 lần trả tiền, ngày thanh toán cuối cùng ngày 11/5/2022 tổng số tiền đã thanh toán cho bên bán là

1.160.000.000 đồng. (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng). Từ sau ngày 11/5/2022 công ty C1 không tiếp tục thanh toán bất kỳ khoản tiền nào như đã cam kết tại Hợp đồng mua bán giữa hai bên. Số tiền công ty C1 còn nợ là 490.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Theo mục 3.3 Điều 3 Hợp đồng, Công ty C1 phải thanh toán cho Công ty M thành 09 đợt, xong 100% giá trị Hợp đồng trước ngày 28/6/2021. Công ty M đã bàn giao máy thực hiện đúng theo hợp đồng và Công ty C1 đã nhận máy đúng số lượng, chất lượng sản phẩm. Đại diện của Công ty C1 cũng thừa nhận đã thanh toán cho Công ty M số tiền 1.160.000.000 đồng, còn nợ lại 490.000.000 đồng là đúng. Lý do Công ty C1 chậm thanh toán do gặp khó khăn về kinh tế đến nay chưa có phương án để thanh toán nốt số tiền còn lại cho Công ty M. Đại diện Công ty C1 đồng ý thanh toán số tiền còn nợ 490.000.000 đồng nhưng đề nghị bên bán tạo điều kiện thời gian. Đối với số tiền lãi suất từ ngày 28/6/2021 đến ngày 16/11/2023 tạm tính là 116.884.017 đồng Công ty C1 không đồng ý vì trong hợp đồng mua bán không có điều khoản trả lãi do chậm thanh toán. Như vậy, việc mua bán máy giữa Công ty M và Công ty C1 là có thật. Đến nay, Công ty C1 đã vi phạm điều khoản về nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán số 156-051020/XCMG-TP, ngày 05/10/2020 đã ký nên Công ty M khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần buộc Công ty TNHH C1 phải thanh toán trả Công ty TNHH M số tiền còn nợ là: 490.000.000 đồng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu của Công ty TNHH M về số tiền lãi suất:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2023 Công ty M yêu cầu tính số tiền lãi tính từ ngày từ ngày 28/6/2021 đến ngày 16/11/2023 tạm tính là 116.884.017 đồng. Nhưng nay nguyên đơn tự nguyện xin rút yêu cầu đối với số tiền lãi là 116.884.017 đồng. HĐXX thấy việc nguyên đơn rút yêu cầu về số tiền lãi suất là tự nguyện, không vi phạm pháp luật nên cần đình chỉ đối với yêu cầu về số tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty TNHH M được chấp nhận nên Công ty TNHH C1 phải chịu 23.600.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 275, Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 440, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M:

Buộc Công ty TNHH C1 phải thanh toán trả Công ty TNHH M số tiền 490.000.000 đồng. (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) theo Hợp đồng mua bán số 156-051020/XCMG-TP, ngày 05/10/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với số tiền lãi suất là 116.884.017 đồng.

3. Về án phí: Buộc Công ty TNHH C1 phải chịu 23.600.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty TNHH M số tiền 14.000.000 đồng (do chị Trần Cẩm A nộp thay) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004769 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lục Viết Sang Lục Thị Lan

Nguyễn Thị Duyên